

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
TỔ: TOÁN – TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN TOÁN KHỐI 11
NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Công văn số 1707 /SGDDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Sở GDĐT)

Giáo viên: Huỳnh Văn Toàn
Lớp dạy: 11/1; 11/13

Học kì 1	18 Tuần x 3 tiết = 54 tiết	Chuyên đề 18 x 1= 18 tiết	Hoạt động trải nghiệm 04 tiết
Học kì 2	17 Tuần x 3 tiết = 51 tiết	Chuyên đề 17 x 1=17 tiết	Hoạt động trải nghiệm 03 tiết

HỌC KÌ I: 18 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG I: HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC (10 tiết)			
1	1, 2, 3	Bài 1: Giá trị lượng giác của góc lượng giác	- Nhận biết các khái niệm cơ bản về góc lượng giác. - Nhận biết khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác. - Mô tả bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau π. - Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác.

2	4, 5	Bài 2: Công thức lượng giác	- Mô tả các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.
	6	Bài 3: Hàm số lượng giác	- Nhận biết các khái niệm về hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các hàm số lượng giác $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ thông qua đường tròn lượng giác. Mô tả bảng giá trị của bốn hàm số lượng giác đó trên một chu kì. - Vẽ đồ thị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Giải thích tập xác định; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kì; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ dựa vào đồ thị. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số lượng giác.
3	7	Bài 3: Hàm số lượng giác (tiếp theo)	
	8, 9	Bài 4: Phương trình lượng giác cơ bản	- Nhận biết công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng. - Tính nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay. - Giải phương trình lượng giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác.
4	10	Bài tập cuối chương I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG II: DÃY SỐ, CẤP SỐ CỘNG VÀ CẤP SỐ NHÂN (7 tiết)		

	11, 12	Bài 5: Dãy số	- Nhận biết dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn. - Thể hiện cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả. - Nhận biết tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.
5	13, 14	Bài 6: Cấp số cộng	- Nhận biết một dãy số là cấp số cộng. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số cộng. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số cộng. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số cộng.
	15	Bài 7: Cấp số nhân	- Nhận biết một dãy số là cấp số nhân. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số nhân. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
6	16	Bài 7: Cấp số nhân (tiếp theo)	
	17	<i>Bài tập cuối chương II</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG III: CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO XU THẾ TRUNG TÂM CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM (4 tiết)		
	18	Bài 8: Mẫu số liệu ghép nhóm	- Đọc và giải thích mẫu số liệu ghép nhóm. - Ghép nhóm mẫu số liệu.
7	19, 20	Bài 9: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	- Tính các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của các số đặc trưng của mẫu số liệu thực tế.
	21	<i>Bài tập cuối chương III</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
8	22	<i>Ôn tập giữa kỳ I</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .

	23, 24	Kiểm tra giữa kỳ I	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ SONG SONG TRONG KHÔNG GIAN (15 tiết)			
9	25, 26, 27	Bài 10: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian.	- Nhận biết các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. - Mô tả ba cách xác định mặt phẳng. - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng, giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. - Nhận biết hình chóp và hình tứ diện. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.
10	28, 29, 30	Bài 11: Hai đường thẳng song song	- Nhận biết vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau. - Giải thích tính chất cơ bản của hai đường thẳng song song trong không gian. - Vận dụng kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
11	31, 32	Bài 12: Đường thẳng song song với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng song song với mặt phẳng.
	33	Bài 13: Hai mặt phẳng song song	- Nhận biết hai mặt phẳng song song trong không gian. - Giải thích điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích định lí Thalès trong không gian. - Giải thích tính chất cơ bản của hình lăng trụ và hình hộp. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến hai mặt phẳng song song trong không gian.

12	34, 35, 36	Bài 13: Hai mặt phẳng song song (tiếp theo)	
13	37, 38	Bài 14: Phép chiếu song song	- Nhận biết khái niệm và tính chất cơ bản về phép chiếu song song. - Xác định ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua phép chiếu song song. - Vẽ hình biểu diễn của một số hình khối đơn giản. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến phép chiếu song song.
	39	Bài tập cuối chương IV (1 tiết)	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
CHƯƠNG V: GIỚI HẠN. HÀM SỐ LIÊN TỤC (7 tiết)			
14	40, 41	Bài 15: Giới hạn của dãy số	- Nhận biết khái niệm giới hạn của dãy số. - Giải thích một số giới hạn cơ bản. - Vận dụng các phép toán giới hạn để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản. - Tính tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.
	42	Bài 16: Giới hạn của hàm số	- Nhận biết khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm và tại vô cực. - Nhận biết khái niệm giới hạn một phía. - Nhận biết khái niệm giới hạn vô cực. - Tính một số dạng giới hạn của hàm số. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn của hàm số.
15	43	Bài 16: Giới hạn của hàm số (tiếp theo)	
	44, 45	Bài 17: Hàm số liên tục	- Nhận dạng hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, trên một đoạn. - Nhận dạng tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Nhận biết tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản trên tập xác định của chúng.
16	46	Bài tập cuối chương V	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.

	47, 48	Ôn tập cuối kỳ I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
17	49,50	Kiểm tra cuối kỳ I	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4 tiết)		
	51	<i>Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính</i>	Học sinh biết vận dụng toán học để giải quyết một số vấn đề tài chính như bài toán gửi tiết kiệm tích lũy, bài toán vay trả góp.
18	52	<i>Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính (tiếp theo)</i>	
	53, 54	<i>Lực căng mặt ngoài của nước</i>	- Học sinh biết thực hiện thí nghiệm để thu thập dữ liệu, biết sử dụng những số đặc trưng của số liệu ghép nhóm để so sánh kết quả và rút ra một số kết luận.

HỌC KÌ II: 17 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI DẠY	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG VI: HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT (8 tiết)			
19	55, 56	Bài 18: Lũy thừa với số mũ thực	- Nhận biết khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0 ; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực. - Sử dụng tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng cách sử dụng máy tính cầm tay.

			- Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn liền với phép tính lũy thừa.
	57	Bài 19: Logarit	- Nhận biết khái niệm lôgarit cơ số a của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. - Sử dụng tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với phép tính lôgarit.
20	58	Bài 19: Logarit (tiếp theo)	
	59	Bài 20: Hàm số mũ và hàm số logarit	- Nhận biết hàm số mũ và hàm số logarit. Nêu một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số logarit. - Nhận dạng đồ thị của các hàm số mũ, hàm số logarit. - Giải thích các tính chất của hàm số mũ, hàm số logarit thông qua đồ thị của chúng. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số logarit.
	60	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit	- Giải phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit ở dạng đơn giản. - Giải quyết một số vấn đề liên môn hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit.
21	61	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit (tiếp theo)	
	62	Bài tập cuối chương VI	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG VII: QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN (17 tiết)		

	63	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai đường thẳng. - Nhận biết hai đường thẳng vuông góc. - Chứng minh hai đường thẳng vuông góc trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa hai đường thẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.
22	64	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc (tiếp theo)	
	65,66	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Giải thích mối liên hệ giữa quan hệ song song và quan hệ vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa đường thẳng và mặt phẳng vào thực tế
23	67	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tiếp theo)	
	68,69	Bài 24: Phép chiếu vuông góc, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	- Nhận biết phép chiếu vuông góc. - Xác định hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Giải thích định lý ba đường vuông góc. - Nhận biết và tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.

24	70, 71, 72	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc. - Xác định điều kiện hai mặt phẳng vuông góc. - Giải thích tính chất cơ bản của hai mặt phẳng vuông góc. - Nhận biết góc phẳng của góc nhị diện, tính góc phẳng nhị diện trong một số trường hợp đơn giản. - Giải thích tính chất cơ bản của hình chóp đều, hình lăng trụ đứng (và các trường hợp đặc biệt của nó). - Vận dụng kiến thức của bài học để mô tả một số hình ảnh thực tế.
25	73	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc (tiếp theo)	
	74,75	Bài 26: Khoảng cách	- Xác định khoảng cách giữa các đối tượng điểm, đường thẳng, mặt phẳng. - Xác định đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau trong các trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về khoảng cách vào một số tình huống thực tế.
26	76	Bài 26: Khoảng cách (tiếp theo)	
	77,78	Bài 27: Thể tích	- Nhận biết công thức tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều - Tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng về thể tích vào một số bài toán thực tế.
27	79	<i>Ôn tập giữa kỳ II</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	80, 81	<i>Kiểm tra giữa kỳ II</i>	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
	82	<i>Bài tập cuối chương</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.

28		VII	- Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	CHƯƠNG VIII: CÁC QUY TẮC TÍNH XÁC SUẤT (9 tiết)		
	83,84	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập	- Nhận biết các khái niệm biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập.
29	85	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập (tiếp theo)	
	86,87	Bài 29: Công thức cộng xác suất	- Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố xung khắc bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất. - Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố bất kì bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất và phương pháp tổ hợp.
30	88	Bài 29: Công thức cộng xác suất (tiếp theo)	
	89,90	Bài 30: Công thức nhân cho 2 biến cố độc lập	Tính xác suất của biến cố giao của hai biến cố độc lập bằng cách sử dụng công thức nhân xác suất và sơ đồ hình cây.
31	91	<i>Bài tập cuối chương VIII</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	CHƯƠNG IX: ĐẠO HÀM (7 tiết)		
	92, 93	Bài 31: Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm	- Nhận biết một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm. - Nhận biết định nghĩa đạo hàm. Tính đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa. - Nhận biết ý nghĩa hình học của đạo hàm. Thiết lập phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị. - Vận dụng định nghĩa đạo hàm vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.

32	94, 95, 96	Bài 32: Các quy tắc tính đạo hàm	- Tính đạo hàm của một số hàm sơ cấp cơ bản. - Sử dụng các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số và đạo hàm của hàm số hợp. - Vận dụng các quy tắc đạo hàm để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
33	97	Bài 33: Đạo hàm cấp hai	- Nhận biết khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số. - Tính đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. - Vận dụng đạo hàm cấp hai để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
	98	<i>Bài tập cuối chương IX</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	99	<i>Ôn tập cuối học kì 2</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
34	100	<i>Ôn tập cuối học kì 2 (tiếp theo)</i>	
	101, 102	<i>Kiểm tra cuối học kì 2</i>	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)			
35	103	<i>Một số mô hình toán học sử dụng hàm số mũ và hàm số logarit</i>	- Vận dụng được các kiến thức toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số, chẳng hạn: vận dụng cấp số cộng, cấp số nhân để giải thích quy luật tăng trưởng dân số - Vận dụng hàm số mũ, hàm số logarit để giải thích ảnh hưởng của sự tăng trưởng dân số tới tiến bộ kinh tế – xã hội, giải thích mối liên hệ giữa sự tăng trưởng dân số với môi trường sinh thái,...

	104, 105	<i>Hoạt động thực hành trải nghiệm hình học</i>	- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá: câu lạc bộ toán học; cuộc thi về Toán, dự án học tập, ra báo tường (hoặc nội san) về Toán, như: câu lạc bộ về ứng dụng toán học trong khoa học máy tính và công nghệ thông tin,... - Tổ chức giao lưu học sinh giỏi Toán trong trường và trường bạn, giao lưu với các chuyên gia nhằm hiểu rõ hơn về vai trò của Toán học trong thực tiễn và trong các ngành nghề.
--	-------------	---	---

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP				
1	CĐ1- Bài 1. Phép biến hình	2	C1,C2	- Nhận biết khái niệm phép biến hình. - Nhận biết khái niệm ảnh của một điểm, của một hình qua một phép biến hình.
2	CĐ1- Bài 2. Phép tịnh tiến	2	C3,C4	- Nhận biết phép tịnh tiến và các tính chất của phép tịnh tiến. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép tịnh tiến. - Vận dụng phép tịnh tiến trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
3	CĐ1- Bài 3. Phép đối xứng trục	2	C5,C6	- Nhận biết phép đối xứng trục và các tính chất của phép đối xứng trục. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép đối xứng trục. - Vận dụng phép đối xứng trục trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
4	CĐ1- Bài 4. Phép quay và phép đối xứng tâm	2	C7,C8	- Nhận biết phép quay, phép đối xứng tâm và các tính chất của chúng. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép quay, phép đối xứng tâm.
5	CĐ1- Bài 5. Phép dời hình	1	C9	- Nhận biết khái niệm phép dời hình. - Vận dụng phép dời hình vào thiết kế đồ họa.
6	CĐ1- Bài 6. Phép vị tự	2	C10,C11	- Nhận biết phép vị tự. - Nhận biết tính chất của phép vị tự.

				- Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép vị tự.
7	CĐ1- Bài 7. Phép đồng dạng	1	C12	- Nhận biết khái niệm phép đồng dạng. - Vận dụng được phép đồng dạng trong thực tiễn.
8	Bài tập cuối chuyên đề I	2	C13,C14	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
9	CĐ2- Bài 8. Một vài khái niệm cơ bản	3	C15,C16, C17	Nhận biết một số khái niệm cơ bản: đồ thị, đỉnh, cạnh, đường đi, chu trình, bậc của đỉnh.
10	CĐ2- Bài 9. Đường đi Euler và đường đi Hamilton	3	C18,C19, C20	Nhận biết đường đi Euler và đường đi Hamilton từ đồ thị.
11	CĐ2- Bài 10. Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	3	C21,C22, C23	- Nhận biết được thuật toán về tìm đường đi tối ưu trong những trường hợp đơn giản. - Sử dụng kiến thức về đồ thị để giải quyết một số tình huống liên quan đến thực tiễn.
12	Bài tập cuối chuyên đề 2	2	C24,C25	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
13	CĐ3- Bài 11. Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	4	C26,C27, C28,C29	- Nhận biết được hình biểu diễn của vật thể. - Nhận biết được hình chiếu vuông góc. - Nhận biết được hình chiếu trục đo và hình chiếu trục đo vuông góc đều.
14	CĐ3- Bài 13. Bản vẽ kỹ thuật	3	C30,C31, C32	- Nhận biết được nguyên tắc cơ bản trong vẽ kỹ thuật. - Đọc được thông tin từ một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản. - Vẽ được bản vẽ kỹ thuật đơn giản.
15	Bài tập cuối chuyên đề 3	1	C33	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
16	Ôn tập và kiểm tra chuyên đề	2	C34,C35	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.

Các nhiệm vụ khác

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.
- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

c) Kế hoạch học tập: Theo kế hoạch của nhà trường

d) Biện pháp thực hiện:

- Phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng HSG, có thể phân chia nhiều nội dung bồi dưỡng cho nhiều giáo viên khác nhau.
- Lấy danh sách HSG và đôn đốc các em để học tập tốt hơn.

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.
- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh yếu ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

- Lập danh sách học sinh học yếu
- Giáo viên dạy lớp mình có kế hoạch bồi dưỡng riêng cho các em học tập yếu và báo cáo với nhà trường hoặc thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên.
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh.
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau.
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học.
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém.
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài.
- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa.
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có).
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng.

Phú Thuận, ngày 06 tháng 09 năm 2025

Phê duyệt của BGH

TTCM

PHT

Trần Minh Giang

Lê Văn Lên

PPCT CHUYÊN ĐỀ TOÁN LỚP 11

**SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
NĂM HỌC 2025-2026**

Chuyên đề: 35 tiết

TẬP 1 (HỌC KỲ I) 18 TUẦN

	<i>Tuần</i>	<i>Sách GK + Ôn, KT</i>	<i>Chuyên đề</i>	<i>Cộng</i>
	<i>1-18</i>	<i>18 X 3 = 54</i>	<i>18 X 1=18</i>	<i>72 tiết</i>
TUẦN	TIẾT THỨ	BÀI DẠY		GHI CHÚ
1	1	CD1 - Bài 1: Phép biến hình		T1/1
2	2	CD1 – Bài 2: Phép tịnh tiến		T1/2
3	3	CD1 – Bài 2: Phép tịnh tiến (tiếp theo)		T2/2
4	4	CD1- Bài 3: Phép đối xứng trục		T1/2
5	5	CD1- Bài 3: Phép đối xứng trục (tt)		T2/2
6	6	CD1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T1/4
7	7	CD1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T2/4
8	8	CD1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T3/4
9	9	CD1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T4/4
10	10	CD1- Bài 5: Phép dời hình		T1/2
11	11	CD1- Bài 5: Phép dời hình		T2/2
12	12	CD1- Bài 6: Phép vị tự		T1/2
13	13	CD1- Bài 6: Phép vị tự		T2/2
14	14	CD1- Bài 7: Phép đồng dạng		T1/2
15	15	CD1- Bài 7: Phép đồng dạng		T2/2
16	16	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1		T1/3
17	17	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)		T2/3
18	18	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)		T3/3
TẬP 2 (HỌC KỲ II) 17 tuần				
	<i>Tuần</i>	<i>Sách GK + Ôn, KT</i>	<i>Chuyên đề</i>	<i>Cộng</i>
	<i>1-17</i>	<i>17 X 3 = 51</i>	<i>17 X 1 = 17</i>	<i>68 tiết</i>

19	19	CD2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản	T1/2
20	20	CD2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản (tiếp theo)	T2/2
21	21	CD2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton	T1/2
22	22	CD2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton (tt)	T2/2
23	23	CD2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	T1/2
24	24	CD2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản (tiếp theo)	T2/2
25	25	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2	T1/3
26	26	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T2/3
27	27	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T3/3
28	28	CD3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	T1/2
29	29	CD3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo (tiếp theo)	T2/2
30	30	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật	T1/3
31	31	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T2/3
32	32	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T3/3
33	33	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T1/3
34	34	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T2/3
35	35	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T3/3